

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 19-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Khiêm

Ông Phạm A Tuấn

Ông Lê Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Quỳnh Trang - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/TLST-HS ngày 24/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXXST-HS ngày 03/01/2018, đối với bị cáo:

Hoàng Thị A - Sinh năm 1971.

Tên gọi khác: Hoàng Thị L A

ĐKHKT: B8P4 - tập thể V - phường V - thành phố N - tỉnh Nam Định.

Chỗ ở: Số 18B ngõ 75 - đường Đ - phường C - thành phố N - tỉnh N Định.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12.

Bố đẻ: Hoàng Năng B; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H (đều đã chết).

Chồng: Phạm Văn H, sinh năm 1970 (đã ly thân); Có 01 con sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giam từ ngày 06/5/2017 đến nay.

***Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1994

ĐKHKT: Số 94/314 đường T – P. V – TP N .

2. Chị Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1976

ĐKHKT: Số 39 H – P.Q – TP N .

3. Anh Phạm Ngọc T2, sinh năm 1970

ĐKHKT: Số 35A tổ 35 – P.T – TP N

4. Chị Trần Thị L, sinh năm 1988

ĐKHKT: E15P2D tổ 15 – Ấp B – huyện B – TP Hồ Chí Minh

5. Chị Vũ Thị Thanh T4, sinh năm 1989

ĐKHKT: Đội 7 xóm C – xã – huyện V – tỉnh Nam Định

6. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1976

ĐKHKT: Xóm C1 – xã T – huyện V – tỉnh Nam Định

7. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1972

ĐKHKT: Xóm C2 – xã T – huyện V – tỉnh Nam Định

8. Anh Trần Văn T3, sinh năm 1986

ĐKHKT: Xóm T – xã T – huyện V – tỉnh Nam Định

9. Chị Vũ Thị S, sinh năm 1968

ĐKHKT: Xóm C2 – xã T – huyện V – tỉnh Nam Định

10. Anh Ngô Duy H3, sinh năm 1987

ĐKHKT: Số 3/184 đường Y – P. Q – TP N

11. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1983

ĐKHKT: Thôn T - xã L – huyện B – tỉnh Hà Nam

12. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1963

ĐKHKT: Thôn T - xã L – huyện B – tỉnh Hà Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Hoàng Thị A và anh Phạm Thành N sống chung với nhau như vợ chồng tại số nhà 18B/75 đường Đ - phường C - thành phố N - tỉnh Nam Định (là nhà của anh N). Khoảng từ tháng 5/2015, do không có tiền tiêu xài, Hoàng Thị A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hoàng Thị A nói dối anh Phạm Thành N là có bố nuôi là ông Vũ Quốc Q - Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty Ocean Garment Nam Định, trụ sở tại khu Công nghiệp H - xã M - thành phố N - tỉnh Nam Định. Ông Q hiện có công ty bên Hàn Quốc, cần

tuyển những người thân thiết, tin tưởng để giám sát và quản lý công nhân. Nếu anh N có nhu cầu thì A sẽ xin cho anh N đi, chi phí do A lo. Ngoài ra nếu anh N có quen biết ai có nhu cầu đi xuất khẩu lao động thì giới thiệu cho A. Tin tưởng A có mối quan hệ thân thiết với ông Q thật nên trong thời gian năm 2015, anh N đã giới thiệu một số người thân thiết trong gia đình và bạn bè của anh N đến đưa hồ sơ, tiền nhờ A xin đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cụ thể như sau:

1. Khoảng tháng 5/2015, Nguyễn Đức T1 (là bạn của con gái Phạm Thành N) đến nhà chơi thì gặp anh N và Hoàng Thị A. Anh N có giới thiệu với T1, nội dung: chị Hoàng Thị A là con gái nuôi của ông Vũ Quốc Q - Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Ocean Garment Nam Định có trụ sở ở khu công nghiệp H - thành phố N. ông Q có người nhà đang tuyển dụng người đi sang lao động bên Hàn Quốc, anh N cũng đang làm thủ tục để cho chị H đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc, nếu T1 yêu và xác định cưới chị H thì anh N sẽ làm thủ tục cho cả T1 và H sang Hàn Quốc làm nhân viên ở siêu thị với mức lương từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Do tin tưởng lời N, nên T1 đã nhờ Hoàng Thị A xin cho mình đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc. T1 và A thỏa thuận thống nhất chi phí là 40.000.000 đồng. Một tuần sau, T1 đưa cho A số tiền 40.000.000 đồng tại số nhà 18B/75 đường Đ - phường C - thành phố N cùng một bộ hồ sơ. Do tin tưởng A nên T1 không yêu cầu A viết giấy biên nhận tiền. Khi nhận tiền xong, A hứa hẹn với T1 trong vòng một đến hai tháng sẽ hoàn tất các thủ tục để T1 sang Hàn Quốc làm việc. Khi quá hạn cam kết, A nói dối T1 và chị H là chưa làm xong thủ tục, giấy tờ nên chưa đi được. Sau đó, A lại lấy lý do T1 và chị H mới cưới nhau, khi nào con lớn thì sẽ lo thủ tục cho hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau khi nhận tiền của T1, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho T1 số tiền 40.000.000 đồng.

2. Khoảng tháng 06/2015, anh Phạm Thành N giới thiệu chị Phạm Thị Thu H1 (em họ anh N) đến gặp Hoàng Thị A để nhờ A xin cho chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hoàng Thị A tự giới thiệu với chị H1 là con nuôi của ông Vũ Quốc Q - Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Ocean Garment Nam Định có trụ sở ở khu công nghiệp H - thành phố N, đang có nhu cầu tuyển người sang lao động tại Hàn Quốc. Nếu chị H1 có nhu cầu thì A sẽ giúp làm thủ tục cho chị H1 sang làm tại siêu thị ở Hàn Quốc với mức lương là 50.000.000 đồng/tháng. Mỗi xuất đi người ngoài A lấy 90 triệu nhưng với H1 là người nhà nên A lấy 55 triệu đồng. Chị H1 đồng ý. Đến giữa tháng 06/2015 chị H1 đi cùng với em gái là Phạm Thị Lan A đến nhà giao cho A một bộ hồ sơ và số tiền là 55.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền và hồ sơ này không viết giấy

biên nhận, có sự chứng kiến của Anh N và chị Phạm Thị Lan A. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong, A hứa hẹn với chị H1 trong thời hạn từ 01 đến 02 tháng sẽ hoàn thiện tất cả các thủ tục để chị H1 sang bên Hàn Quốc làm việc. Khi quá hạn cam kết, chị H1 nhiều lần điện thoại và đến gặp A để hỏi lý do thì A khất lần với các lý do như giám đốc bị ốm, thủ tục giấy tờ chưa xong...bảo chị H1 cứ yên tâm chờ đợi một thời gian nữa.

Sau khi nhận tiền của chị H1, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho chị H1 số tiền 55.000.000 đồng.

3. Khoảng tháng 06/2015, Anh Phạm Thành N giới thiệu anh Phạm Ngọc T2 (là bạn thân anh N đến gặp A để nhờ xin cho anh T2 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hoàng Thị A nói với anh T2 có bố nuôi là Vũ Quốc Q là giám đốc công ty Ocean Garment tại Nam Định đang cần tuyển người sinh năm 1970 (để hợp tuổi với ông Q) làm quản lý cho công ty của ông Q tại Hàn Quốc với mức lương khoảng 100.000.000 đồng/tháng. Thấy anh T2 lưỡng lự thì A nói đáng lẽ ra đi Hàn Quốc phải mất vài trăm triệu nhưng do A là con nuôi của ông Q và vì anh T2 hợp tuổi với ông Q nên chi phí để xin sang đó chỉ hết 55.000.000 đồng. Anh N nói với anh T2 là cũng đang nhờ A xin cho con rể là Nguyễn Đức T1 và con gái là Phạm Thu H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên anh T2 đã tin tưởng lời A nói là thật và đã nhờ A xin cho đi sang Hàn Quốc làm việc. Ngày 10/06/2015, anh T2 đến nhà đưa cho A số tiền là 30.000.000 đồng cùng một bộ hồ sơ trước sự chứng kiến của anh N. Việc giao tiền và hồ sơ này không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận tiền xong thì A cam kết trong vòng 01 đến 02 tháng sẽ hoàn thiện xong các thủ tục để anh T2 sang Hàn Quốc làm việc.

Ngày 12/6/2015, Hoàng Thị A điện thoại cho Anh T2 bảo anh T2 nộp tiếp tiền để làm thủ tục cho nhanh. Anh T2 đã đưa tiếp cho A số tiền 5.000.000 đồng tại nhà của anh N, việc giao tiền này không viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến của anh N.

Ngày 14/6/2015, A lại tiếp tục gọi điện thoại thúc giục anh T2 đưa tiếp số tiền còn lại. Anh T2 đã tiếp tục đưa cho A số tiền 20.000.000 đồng tại nhà của anh N. Việc giao tiền này có sự chứng kiến của anh N, không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận đủ số tiền 55.000.000 đồng như đã thỏa thuận thì A vẫn tiếp tục hứa hẹn với anh T2 trong thời gian từ 01 đến 02 tháng anh T2 sẽ sang Hàn Quốc làm việc.

Khoảng tháng 9/2015, A tiếp tục điện thoại cho anh T2 đề nghị anh T2 đưa cho A số tiền 2.000.000 đồng để làm thẻ ngân hàng và anh T2 đã đưa cho A số tiền trên. Khi quá hạn cam kết, anh T2 gặp A để hỏi lý do thì A lấy hết lý do

ông Q bị ốm, con ông Q bị tai nạn chết...nên chưa đi sang Hàn Quốc được bảo anh T2 cứ yên tâm chờ đợi.

Sau khi nhận tiền của anh T2, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho anh T2 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho anh T2 số tiền 57.000.000 đồng.

4. Khoảng đầu tháng 07/2015, Phạm Ngọc T2 giới thiệu cho A quen biết với Trần Thị L (là cháu của vợ anh T2). L đã cùng anh T2 đến gặp A tại nhà của anh N. Tại đây, A nói có bố nuôi tên là Q là giám đốc công ty Ocean Garment tại Nam Định, ông Q có công ty bên Hàn Quốc đang cần tuyển lao động với mức lương từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng. Nếu L đồng ý đi thì Hoàng Thị A sẽ giúp đỡ, số tiền chi phí hết 70.000.000 đồng. L đã đồng ý và bảo A cho số tài khoản để chồng của L chuyển tiền vào tài khoản của A. Sau đó một ngày, A điện thoại cho anh T2 thông báo đã nhận được số tiền 69.000.000 đồng và L đã nhờ anh T2 mang số tiền 1.000.000 đồng đến đưa cho A. Việc giao nhận tiền này diễn ra tại nhà của anh N, có sự chứng kiến của anh N, không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận tiền xong, A hứa hẹn trong vòng 01 tháng sẽ hoàn thiện các thủ tục để L sang bên Hàn Quốc làm việc. Quá hạn cam kết L nhiều lần điện thoại hỏi Hoàng Thị A thì A lấy hết lý do này đến lý do khác và bảo cứ chờ thêm một thời gian nữa.

Sau khi nhận tiền của chị L, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị L đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho chị L số tiền 70.000.000 đồng

5. Khoảng tháng 07/2015, A Phạm Ngọc T2 giới thiệu chị Vũ Thị Thanh T4 (là cháu của anh T2 đến gặp A. A nói với chị T4 chi phí để xin sang Hàn Quốc hết 70.000.000 đồng. Tại nhà của N, bố đẻ của chị T4 là ông Vũ Văn C đã giao số tiền 70.000.000 đồng cho A trước sự chứng kiến của anh T2 và Phạm Thành N. Việc giao nhận tiền này không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận đủ tiền, A hứa hẹn đến ngày 10/08/2015 chị T4 sẽ sang Hàn Quốc để làm việc. Đến tháng 12/2015, chị T4 thấy vẫn chưa đi Hàn Quốc được nên đã liên hệ với A để hỏi lý do và yêu cầu trả lại tiền nhưng A nói với chị T4 sắp được đi sang Hàn Quốc làm việc, cho nên chị T4 không đòi lại tiền nữa mà tiếp tục chờ đợi. Tuy nhiên sau đó vẫn không thấy A lo cho mình sang Hàn Quốc làm việc như đã hứa hẹn, chị T4 đã nhiều lần liên lạc với A nhưng không được.

Sau khi nhận tiền của chị T4, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị T4 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho chị T4 số tiền 70.000.000 đồng

6. Khoảng tháng 08/2015, Phạm Ngọc T2 giới thiệu chị Vũ Thị H2 (là em vợ của Anh T2 đến gặp Hoàng Thị A. A nói nếu chị H2 có nhu cầu đi Hàn Quốc thì A giúp với số tiền chi phí là 70.000.000 đồng, sau khoảng 01 đến 02 tháng thì Hoàng Thị A sẽ hoàn thiện các thủ tục để chị H2 sang Hàn Quốc làm việc với mức lương cao. Chị H2 nhất trí và đã giao cho Hoàng Thị A một bộ hồ sơ gồm sơ yếu lý lịch, giấy khai sinh, chứng minh nhân dân và số tiền là 70.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền này không viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến của anh T2 và Phạm Thành N. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong thì Hoàng Thị A bảo chị H2 về xin nghỉ việc tại công ty Young One (chị H2 đang làm công nhân may tại đây) để lấy sổ bảo hiểm về để đưa cho A. Sau đó khoảng 01 tuần A lấy lý do cần tiền để làm thủ tục chuyển sổ bảo hiểm cho chị H2 sang bên công ty tại Hàn Quốc, chị H2 tin tưởng và giao số tiền là 3.000.000 đồng cho A. Khi quá hạn mà A đã cam kết, chị H2 đã nhiều lần liên lạc với A để hỏi lý do thì A nói nhà ông Q đang có việc nên việc xin đi sang Hàn Quốc bị trục trặc và bảo chị H2 cứ yên tâm chờ đợi. Tuy nhiên đến nay chị H2 vẫn chưa được đi sang Hàn Quốc làm việc như A đã cam kết.

Sau khi nhận tiền của chị H2, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị H2 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho anh T2 số tiền 73.000.000 đồng

7. Khoảng tháng 08/2015, Phạm Ngọc T2 giới thiệu chị Vũ Thị N (là chị vợ của Anh T2) đến gặp Hoàng Thị A để nhờ A làm thủ tục đi Hàn Quốc. Sau khi thỏa thuận, ngày 19/08/2015 chị N đã giao cho A một bộ hồ sơ và số tiền là 60.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền và hồ sơ không viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến của anh T2 và anh N. Sau khi nhận tiền xong thì A nói với chị N là do bên Hàn Quốc đang cần tuyển người nấu ăn nên chỉ vài ngày sau chị N có thể sang bên đó làm việc được, bảo chị N cứ về nhà chờ đợi. Khoảng mấy ngày sau, A lại yêu cầu chị N nộp số tiền 3.000.000 đồng để làm sổ bảo hiểm và 250.000 đồng để làm thẻ rút tiền. Chị N đã tin tưởng đưa cho Hoàng Thị A số tiền nêu trên. Khi quá hạn mà A đã cam kết với chị N, chị N đã nhiều lần liên lạc với A để hỏi lý do vì sao chị N chưa đi được Hàn Quốc thì A đưa ra nhiều lý do là công ty của ông Q đang cần lấy thêm người nên chị N phải chờ đủ người rồi cùng sang Hàn Quốc một đợt, lúc thì nhà ông Q đang có việc...bảo số tiền đã nhận của chị N, A đã nộp để làm thủ tục sang Hàn Quốc cho chị N, bảo chị N cứ yên tâm chờ đợi. Để tạo sự tin tưởng Hoàng Thị A đã tổ chức cho chị N cùng một số người khác cũng nhờ A xin sang Hàn Quốc làm việc đi du lịch ở SaPa, tỉnh Lào Cai. Toàn bộ chi phí cho chuyến du lịch này, A chi trả hết. Hoàng Thị A nói dối với mọi người ông Q tổ chức chuyến du lịch này cho mọi người trong

lúc chờ đợi đi sang Hàn Quốc nhưng đến nay chị N vẫn chưa được đi sang Hàn Quốc làm việc.

Sau khi nhận tiền của chị N, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho chị N số tiền 63.250.000 đồng

8. Khoảng tháng 08/2015 Phạm Ngọc T2 giới thiệu Trần Văn T3 (là cháu của Anh T2) đến gặp Hoàng Thị A, A nói với T3 là có bố nuôi là Q làm Giám đốc Công ty Ocean Garment, ông Q có người nhà đang cần tuyển lao động tại Hàn Quốc với mức lương khoảng 60.000.000 đồng/tháng, A nói nếu T3 có nhu cầu thì A sẽ giúp với chi phí số tiền là 40.000.000 đồng. T3 nhất trí và giao cho A một bộ hồ sơ và số tiền là 40.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền và hồ sơ này không viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến của Phạm Thành N, anh T2, bà Vũ Thị T là người đi cùng T3. Sau khi nhận tiền xong, A nói với T3 là mấy tuần sau là hoàn thiện thủ tục sang Hàn Quốc làm việc, bảo T3 cứ yên tâm, công ty đang tuyển công nhân nên chắc sẽ lo được cho T3. Hoàng Thị A nói tiền và hồ sơ của T3 đã chuyển hết cho ông Q. Ngoài ra, A còn yêu cầu T3 nộp thêm số tiền 200.000 đồng để làm thẻ Ngân Hàng. T3 đã nộp cho A số tiền trên và không viết giấy biên nhận. Khi đến hạn mà A đã cam kết, T3 liên lạc thì A nói dối là phải chờ đợi công nhân Việt Nam lao động bên Hàn Quốc về nước thì mới sang được. Sau đó, T3 nhiều lần liên lạc với A thì A lấy lý do người nhà ông Q ốm, chết nên tạm hoãn một thời gian, bảo T3 cứ yên tâm chờ đợi.

Sau khi nhận tiền của T3, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho T3 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho T3 số tiền 40.200.000 đồng

9. Khoảng tháng 08/2015, Phạm Ngọc T2 giới thiệu chị Vũ Thị S (là chị vợ của Anh T2 đến gặp Hoàng Thị A. A nói với chị S là có bố nuôi là Vũ Quốc Q - là Giám đốc công ty Ocean Garment, ông Q có công ty bên Hàn Quốc đang cần tuyển lao động sang đó làm việc, A đặt vấn đề nếu chị S có nhu cầu thì A sẽ giúp sang bên Hàn Quốc làm công việc nấu ăn với thời hạn là 05 năm, với mức lương cao khoảng 50.000.000 đồng/tháng, nếu chị S làm tốt thì có thể được gia hạn thêm thời gian, chi phí để xin sang đó là 40.000.000 đồng. Nếu chị S đồng ý thì về chuẩn bị tiền và hồ sơ. Sau đó vài ngày, chị S do bận đi làm nên đã nhờ chị Vũ Thị T (là chị gái) mang tiền và hồ sơ để đưa cho A tại nhà của anh Phạm Thành N trước sự chứng kiến của N, anh T2 và Trần Văn T3 (anh T3 cũng nhờ Hoàng Thị A làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc). Việc giao nhận tiền và hồ sơ này không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong thì A hứa hẹn chỉ vài ngày sau là chị S sẽ sang Hàn Quốc làm việc, bảo mọi người

cứ về chuẩn bị đồ dùng cá nhân. Khi đã quá hạn thời gian cam kết thì chị S gọi điện thoại cho A để hỏi lý do vì sao chưa đi sang Hàn Quốc làm việc được thì A lấy lý do đang bận làm hộ chiếu và thẻ Visa cho mọi người nên bảo chị S chờ đợi thêm thời gian nữa, sau đó A lại lấy lý do người nhà ông Q bị chết, ngã cầu thang nên phải hoãn lại, chưa đưa chị S sang Hàn Quốc làm việc được. Sau đó, A có yêu cầu chị S nộp tiếp số tiền 2.400.000 đồng để tiếp tục nổi bảo hiểm và làm thẻ Master Card (thẻ thanh toán quốc tế). Chị S đã đưa số tiền trên cho Anh, việc giao nhận tiền không viết giấy biên nhận.

Sau khi nhận tiền của chị S, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị S đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho chị S số tiền 42.400.000 đồng

10. Khoảng tháng 10/2015, thông qua chị Phạm Thị Thu H1 giới thiệu cho em họ tên là Ngô Duy H3 đến gặp Hoàng Thị A. A nói với H3 là có bố nuôi đang ở Hàn Quốc và sắp về Việt Nam để tuyển công nhân nếu H3 có nhu cầu thì Hoàng Thị A sẽ giúp sang Hàn Quốc làm công nhân vận hành máy móc, số tiền chi phí là 60.000.000 đồng. H3 thỏa thuận và thống nhất đưa trước cho A số tiền 30.000.000 đồng. A đã đồng ý và bảo H3 về chuẩn bị tiền, một bộ hồ sơ. Ngày 28/10/2015 tại số nhà 18B/75, đường Đ, phường C, thành phố N, H3 cùng với mẹ là Lê Thị Bích N và chị H1 mang số tiền 30.000.000 đồng, hồ sơ đến giao cho Hoàng Thị A, có sự chứng kiến của Phạm Thành N. Việc giao nhận tiền này không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong thì A hứa hẹn với H3 cuối tháng 12/2015 sẽ hoàn tất các thủ tục để H3 sang Hàn Quốc làm việc. Trong thời gian chờ đợi sang Hàn Quốc làm việc thì A đã tổ chức cho H3 và một số người cũng nhờ A xin đi Hàn Quốc làm việc đi du lịch tại SaPa, tỉnh Lào Cai, A nói do bố nuôi của A gửi tiền từ Hàn Quốc về để tổ chức cho mọi người đi du lịch. Khi đến hẹn như đã cam kết, H3 đã nhiều lần liên lạc với A để hỏi thì A đều bảo H3 cứ yên tâm chờ đợi nhưng đến nay H3 vẫn chưa đi được sang Hàn Quốc làm việc.

Sau khi nhận tiền của H3, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho H3 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho H3 số tiền 30.000.000 đồng

11. Khoảng tháng 10/2015, Anh Phạm Thành N giới thiệu chị Phạm Thị V đến gặp Hoàng Thị A. A nói với chị V là đang có mấy xuất đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và chỉ ưu tiên cho người nhà, nếu chị V muốn đi thì A sẽ giúp cho. Do đang có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nên chị V đã nhờ A giúp đỡ, A cũng nói với chị V: Chi phí bình thường để đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc phải hết vài trăm triệu đồng nhưng do chị V là chỗ quen biết nên sẽ lấy giá

60.000.000 đồng và yêu cầu chị V nếu muốn đi thì phải đặt cọc trước cho Hoàng Thị A số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào có thì đưa cho A sau. Ngày 27/11/2015, chị V đến nhà A ở địa chỉ số 18B/75 đường Đ, phường C, thành phố N để giao số tiền 30.000.000 đồng và một bộ hồ sơ cho A. Việc giao nhận hồ sơ và tiền này không viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến của Phạm Thành N. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong thì A cam kết một tháng sau sẽ hoàn thiện các thủ tục để cho chị V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Khi đến thời gian mà A cam kết nhưng chị V vẫn chưa đi được sang Hàn Quốc làm việc, chị V nhiều lần điện thoại cho A nhưng A cứ khất lần, bảo chị V tiếp tục chờ đợi. Khoảng tháng 5/2016, chị V vẫn chưa đi được sang Hàn Quốc làm việc nên đã yêu cầu A trả lại tiền nhưng A lại khất lần nữa, không trả lại tiền cho chị V.

Sau khi nhận tiền của chị V, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho chị V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho chị S số tiền 30.000.000 đồng.

12. Khoảng tháng 12/2015, thông qua sự giới thiệu của chị Phạm Thị V, ông Phạm Văn Q đã đến gặp Hoàng Thị A để đặt vấn đề xin cho con trai là Phạm Văn Th đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, Hoàng Thị A nhận lời và nói chi phí hết 80.000.000 đồng, đã hứa hẹn sang đó Th sẽ làm nhân viên bán hàng với mức lương khoảng 55.000.000 đồng/tháng, thời hạn đi xuất khẩu lao động là 03 năm, hết 03 năm có thể xin gia hạn, nếu ông Q đồng ý thì về chuẩn bị tiền để làm thủ tục đi Hàn Quốc trước Tết âm lịch năm 2016. Ngày 06/12/2015, ông Q cùng vợ là Phạm Thị T mang số tiền 80.000.000 đồng và một bộ hồ sơ đến đưa cho A tại nhà ở địa chỉ số 18B/75 đường Đ - phường C- thành phố N. Việc giao nhận tiền này không viết giấy biên nhận, có sự chứng kiến của Phạm Thành N. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xong thì A nói chỉ khoảng nửa tháng nữa là hoàn thiện thủ tục cho Th sang Hàn Quốc làm việc. Khi quá thời gian mà đã cam kết, ông Q nhiều lần điện thoại cho A nhưng A đều khất lần, lúc hẹn nửa tháng, lúc hẹn một tháng, tuy nhiên Th vẫn không đi được. Cuối năm 2016, ông Q đã yêu cầu A trả lại số tiền 80.000.000 đồng nhưng hiện nay A vẫn chưa trả lại số tiền trên cho ông Q.

Sau khi nhận tiền của ông Q, Hoàng Thị A đã chi tiêu cá nhân hết và không làm thủ tục xin cho con trai ông Q đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hiện nay Hoàng Thị A chưa trả lại cho ông Q số tiền 80.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Hoàng Thị A đã lừa đảo chiếm đoạt của 12 người nêu trên là 650.850.000 đồng. Khi những người này thường xuyên đến tìm để đòi tiền, nên khoảng tháng 10/2016 Hoàng Thị A cùng với N đã bỏ trốn thuê nhà nghỉ Đ ở xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Ngày 05/5/2017, Hoàng Thị A đã bị những người làm chứng bắt gặp và đưa đến Công an phường Cửa Bắc - thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định để giải quyết sự việc.

Tại Cơ quan điều tra Hoàng Thị A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 đăng ký xe máy số A0398145; 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen; 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki, BKS: 29L5- 6025 đó được chuyển đến kho vật chứng Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định đã bị VKSND tỉnh Nam Định truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng không oan.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

* Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đều xác định nội dung sự việc như nội dung cáo trạng của VKSND tỉnh Nam Định; đều xác định do tin lời bị cáo Hoàng Thị A giới thiệu có bố nuôi là ông Vũ Quốc Q có công ty bên Hàn Quốc cần tuyển người đi lao động bên Hàn Quốc, nên những người bị hại đã giao tiền và hồ sơ để nhờ bị cáo Hoàng Thị A làm thủ tục xin cho đi lao động ở Hàn Quốc; Nhưng sau khi giao tiền và hồ sơ, bị cáo A không xin cho đi Hàn Quốc, cũng không trả lại tiền cho những người bị hại, đòi nhiều lần thì A bỏ trốn. Những người bị hại đều có yêu cầu buộc bị cáo A phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

* Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa xác định diễn biến sự việc xảy ra đúng như nội dung bản cáo trạng đã công bố.

Người làm chứng chị Phạm Thị Lan A trình bày, sau khi nhận tiền của những người bị hại thì Hoàng Thị A đã bỏ trốn, đến ngày 4/5/2017 chị Lan A đã bắt gặp Hoàng Thị A ở đường Kênh nên đã cùng mọi người dẫn Hoàng Thị A lên Công an phường Cửa Bắc để giải quyết, chứ không phải Hoàng Thị A ra đầu thú.

* Cáo trạng số 98/QĐ-KSĐT ngày 21/11/2017 của VKSND tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Hoàng Thị A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS.

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố.

Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đại diện VKSND tỉnh Nam Định đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị A từ 12 năm 6 tháng tù đến 13 năm 6 tháng tù

Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí về tội danh và Điều luật mà VKSND tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận Hành vi phạm tội của bản thân
- Bị cáo ra đầu thú
- Là lao động chính trong gia đình

Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn so với đề nghị của VKSND tỉnh Nam Định tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng lời khai của người bị hại, người làm chứng; biên bản thu giữ vật chứng; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Hoàng Thị A làm nghề tự do, không có chức năng nhiệm vụ tuyển người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, nhưng Hoàng Thị A đã gian dối tự giới thiệu với nhiều người là có bố nuôi là ông Vũ Quốc Q - Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty Ocean Garment Nam Định, trụ sở tại khu Công nghiệp H - thành phố N, ông Q hiện có công ty bên Hàn Quốc, cần tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc; do tin lời Hoàng Thị A nên những người bị hại đã đưa tiền cùng hồ sơ cho Hoàng Thị A để nhờ làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Nhưng sau khi nhận tiền và hồ sơ Hoàng Thị A không thực hiện cam kết như đã hứa hẹn mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã nhận để chi tiêu cá nhân.

Hành vi của Hoàng Thị A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào số tiền mà Hoàng Thị A đã chiếm đoạt của những người bị hại là 650.850.000 đồng, thì bị cáo Hoàng Thị A phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS.

Quan điểm truy tố và luận tội của VKSND tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi háms lòng mà bị cáo đã lợi dụng vào sự cả tin, mất cảnh giác của người bị hại, dùng thủ đoạn gian dối lấy tiền của bị hại để chiếm đoạt cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần được xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi lượng hình, xét thấy bị cáo Hoàng Thị A đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để lấy tiền của người bị hại, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, số tiền đã chiếm đoạt và hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra, đối chiếu với các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần ấn định cho bị cáo Hoàng Thị A mức hình phạt ở khởi điểm khung hình phạt đã truy tố và cách li bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Như vậy mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định của pháp luật, căn cứ vào lời khai của bị cáo, của những người bị hại, người làm chứng, đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, thì thấy bị cáo Hoàng Thị A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại. Cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Nguyễn Đức T1 số tiền 40.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Phạm Thị Thu H1 số tiền 55.000.000 đồng
- Bồi thường cho Phạm Ngọc T2 số tiền 57.000.000 đồng
- Bồi thường cho chị Trần Thị L số tiền 70.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Vũ Thị Thanh T4 số tiền 70.000.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Vũ Thị H2 số tiền 73.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Vũ Thị N số tiền 63.250.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Trần Văn T3 số tiền 40.200.000 đồng.
- Bồi thường cho của chị Vũ Thị S số tiền 42.400.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Ngô Duy H3 số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Phạm Thị V số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Phạm Văn Q số tiền 80.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

- 01 đăng ký xe máy số A0398145 và 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki BKS 29L5-6025 là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen đã thu giữ của bị cáo, qua tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy bị cáo đã sử dụng để liên lạc giao dịch với những người bị hại để hứa hẹn xin cho họ đi xuất khẩu lao động, xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 99 BLTTHS và Pháp lệnh về án phí lệ phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;
2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị A 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2017.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS; Điều 357 BLDS.

+ Buộc bị cáo Hoàng Thị A phải bồi thường cho những người bị hại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Nguyễn Đức T1 số tiền 40.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Phạm Thị Thu H1 số tiền 55.000.000 đồng
- Bồi thường cho anh Phạm Ngọc T2 số tiền 57.000.000 đồng
- Bồi thường cho chị Trần Thị L số tiền 70.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Vũ Thị Thanh T4 số tiền 70.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Vũ Thị H2 số tiền 73.000.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Vũ Thị N số tiền 63.250.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Trần Văn T3 số tiền 40.200.000 đồng.
- Bồi thường cho của chị Vũ Thị S số tiền 42.400.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Ngô Duy H3 số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Phạm Thị V số tiền 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Phạm Văn Q số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn yêu cầu, nếu người phải bồi thường không thi hành những khoản tiền này, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân Hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS; Điều 76 BLTTHS

- Tuyên trả lại cho bị cáo 01 đăng ký xe máy số A0398145 và 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki BKS 29L5- 6025, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.
- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia.

(Chi tiết cụ thể trong ghi trong biên bản giao nhận vật chứng số 11/18 ngày 10/11/2017 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định)

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị A phải nộp 200.000 đồng.
- Án phí dân sự: Bị cáo Hoàng Thị A phải nộp 32.500.000 đồng.

Báo bị cáo, người bị hại có mặt, đều được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; CA - VKS tỉnh ND
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Trại giam Đại An
- Bị cáo, người tham gia tố tụng
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Mai Hương

